

**BẢNG TỔNG HỢP KÊ KHAI MỨC GIÁ DỊCH VỤ KHÁM TIÊM CHỦNG**

(Kèm theo Công văn số 140/TTYT - TCHC, TCKT ngày 09 tháng 04 năm 2026 về việc kê khai giá dịch vụ tiêm chủng)

**1. Mức giá kê khai:**

ĐVT: Đồng

TT	Danh mục dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Đơn giá	Giá kê khai liên kế trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/giảm so với kỳ liền kề trước	Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liền kề trước	Ghi chú
<b>I Giá vắc xin uống</b>										
1	Tiêu chảy cấp do Rota virus	Rotateq		930.000		930.000				
2	Tiêu chảy cấp do Rota virus	Rotavin		470.000		470.000				
3	Tiêu chảy cấp do Rota virus	rotaTeq		680.000		680.000				
<b>II Giá vắc xin tiêm</b>										
1	Bạch hầu, ho gà, uốn ván, bại liệt, viêm màng não mủ, viêm phổi do Hib, viêm gan B	Hexaxim (6in1)	Mũi tiêm	1.100.000		1.100.000				
		Infanrix Hexa (6in1)	Mũi tiêm	1.140.000		1.140.000				
2	Các bệnh do phế cầu	Synflorix	Mũi tiêm	1.010.000		1.010.000				
		Prevenar 13	Mũi tiêm	1.340.000		1.340.000				
		Prevenar 20	Mũi tiêm	-		-				
3	Viêm gan B người lớn	Heberbiovac 1ml	Mũi tiêm	210.000		210.000				
4	Viêm gan B trẻ em	Heberbiovac 0.5ml	Mũi tiêm	180.000		180.000				
5	Viêm màng não do não mô cầu nhóm A, C, Y, W-135	Menactra 0,5ml	Mũi tiêm	1.250.000		1.250.000				
6	Sởi – Quai bị – Rubella	Priorix 0,5ml	Mũi tiêm	390.000		390.000				
7	Thủy đậu	Varilrix	Mũi tiêm	1.100.000		1.100.000				
8	Cúm	Influvac	Mũi tiêm	400.000		400.000				
		IVAC- FLUS	Việt Nam	280.000		280.000				
9	Ung thư cổ tử cung, ung thư hầu họng, sùi mào gà... do HPV (9 chủng)	Gardasil 9 0.5ml	Mũi tiêm	3.170.000		3.170.000				
	Ung thư cổ tử cung, ung thư hầu họng, sùi mào gà... do HPV	Gardasil Inj	mỹ	1.740.000		1.740.000				
10	Uốn ván	Vắc xin uốn ván hấp phụ (TT)	Mũi tiêm	140.000		140.000				
		Huyết thanh uốn ván (SAT)	Mũi tiêm	160.000		160.000				
11	Viêm não Nhật Bản	JEEV 3mcg/0,5ml	Mũi tiêm	420.000		420.000				
		JEEV 6mcg/0,5ml	Mũi tiêm	530.000		530.000				
		IMOHEV	Mũi tiêm	1.040.000		1.040.000				
12	Đại	Verorab 0.5ml (TB)	Mũi tiêm	310.000		310.000				
				330.000		330.000				
13	Huyết thanh đại	Favirab	Mũi tiêm	580.000		580.000				
14	Lao	BCG	Việt Nam	210.000		210.000				

**2. Phân tích nguyên nhân điều chỉnh đơn giá giữa lần kê khai kỳ này so với kỳ liền kề trước**

Căn cứ mục 1 Điều 13 Nghị định 104/NĐ-CP ngày 1/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ;

Cụ thể: Giá dịch vụ tiêm chủng được tính dựa trên các yếu tố sau đây:

Giá thu = Giá mua vắc xin + chi phí dịch vụ tiêm chủng + thuế TNDN + chi phí lợi nhuận.

**Chi tiết các yếu tố:**

+ Giá mua vắc xin (trong đó có chi phí vận chuyển, bảo quản vắc xin, hao hụt do vỡ, hỏng vắc xin): là giá Bệnh viện mua của các nhà cung cấp tính theo từng thời điểm mua của từng loại vắc xin sử dụng.

+ Chi phí dịch vụ tiêm chủng được tính theo từng loại vắc xin, số lần tiêm hoặc uống và được tính đúng, tính đủ các yếu tố chi phí trực tiếp, gián tiếp, bao gồm:

Tiền công khám và công tiêm: Áp dụng đơn giá theo Nghị quyết 52/NQ-HĐND ngày 06/12/2025

Chi phí phục vụ người bệnh trong quá trình cung ứng dịch vụ tiêm chủng: gồm tiếp đón, tư vấn, hướng dẫn, nhắc lịch tiêm, theo dõi sau tiêm và các chi phí khác có liên quan

Tiền vật tư tiêu hao: găng tay khám, khẩu trang, mũ giấy, bông, băng, cồn, bơm tiêm, chi phí văn phòng phẩm, ấn chỉ, .... có trong cơ cấu đơn giá tiền khám theo quy định.

Tiền điện, nhiên liệu, xử lý chất thải y tế và vệ sinh môi trường

Chi phí điện, nhiên liệu khác

Khấu hao tài sản tài sản

Chi phí duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản: có trong cơ cấu đơn giá tiền khám theo quy định

Chi phí khác: phần mềm tiêm chủng, hóa đơn, trang trí....

+ Chi phí lợi nhuận: 5% trên tổng chi phí cấu thành giá dịch vụ

+ Thuế TNDN: 2% trên tổng doanh thu.

**3. Mức kê khai này thực hiện từ ngày 10/04/2026.**